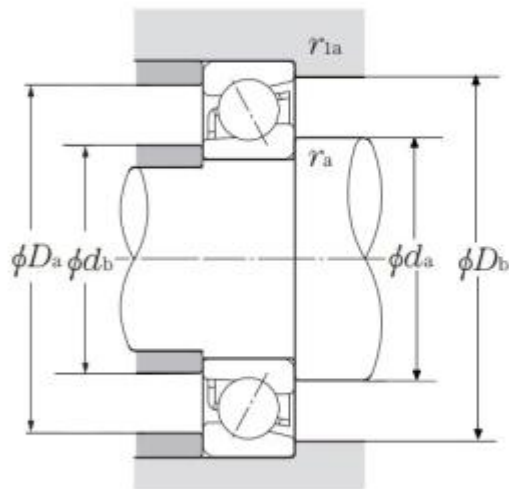


## Vòng bi 7011UG/GNP42



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                                        |         |
|----------------------------------------|---------|
| Thương hiệu / Hãng sản xuất            | NTN     |
| d - Đường kính lỗ trục                 | 55 mm   |
| D - Đường kính ngoài                   | 90 mm   |
| B - Chiều rộng                         | 18 mm   |
| d1 - Đường kính ngoài vòng trong       | 66,9 mm |
| d2 - Đường kính gờ của vòng trong      | 64,3 mm |
| D1 - Đường kính gờ/rãnh của vòng ngoài | 78,1 mm |

|                                   |         |
|-----------------------------------|---------|
| D2 - Đường kính trong vòng ngoài  | 83,6 mm |
| a - Điểm ứng dụng tải trọng       | 30,1 mm |
| $\alpha$ - Góc tiếp xúc           | 30 °    |
| rs - Bán kính góc lượn tối thiểu  | 1,1 mm  |
| r1s - Bán kính góc lượn tối thiểu | 0,6 mm  |
| Lớp chính xác                     | P42     |
| Trọng lượng                       | 0,38 kg |

#### HIỆU SUẤT SẢN PHẨM

|                                      |              |
|--------------------------------------|--------------|
| C - Tải trọng động cơ bản danh định  | 35,5 kN      |
| C0 - Tải trọng tĩnh cơ bản danh định | 27,7 kN      |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn dầu | 16200 tr/min |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn mỡ  | 11900 tr/min |
| Mức tải trước                        | GN           |
| Giá trị tải trước                    | 0,42 kN      |
| Tmin - Nhiệt độ hoạt động tối thiểu  | -20 °C       |
| Tmax - Nhiệt độ hoạt động tối đa     | 120 °C       |

#### GIỚI HẠN

|                                             |         |
|---------------------------------------------|---------|
| da min - Đường kính vai tối thiểu IR        | 62 mm   |
| Da max - Đường kính vai tối đa OR           | 83 mm   |
| Db max - Đường kính vai tối đa OR           | 85,5 mm |
| r1a - Bán kính góc lượn tối đa              | 0,6 mm  |
| ra max - Bán kính góc lượn tối đa trục & vỏ | 1 mm    |

**NTN**®



**VOBICO.VN**  
NTN Authorized Distributor